



MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited.

Head Office: 10th Floor, Corner Stone Building, No. 16 Phan Chu Trinh Street,
Phan Chu Trinh Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel +84 4 24 3936 9188 ~ 3936 9200
msig.com.vn

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ MSIG (VIETNAM)

QUY TẮC BẢO HIỂM XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY (MỚI)

PHẦN I. ĐỊNH NGHĨA

Trong quy tắc bảo hiểm này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. MSIG/Doanh nghiệp bảo hiểm

Là Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ MSIG Việt Nam.

2. Bên mua bảo hiểm

Là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.

3. Người được bảo hiểm

Là chủ xe có xe cơ giới được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới, hoặc người khác được nêu rõ trong hợp đồng bảo hiểm.

4. Chủ xe

Là tổ chức, cá nhân sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe cơ giới; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Xe cơ giới

a. Xe ô tô

Bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo và các loại xe ô tô khác theo quy định của pháp luật; và không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự.

b. Xe mô tô (hay còn gọi là xe máy)

Là xe cơ giới hai hoặc ba bánh và các loại xe tương tự, di chuyển bằng động cơ có dung tích xy lanh từ 50 cm³ trở lên, trọng tải bản thân xe không quá 400 kg; bao gồm cả xe mô tô điện với các đặc điểm tương tự.

c. Xe gắn máy

Là phương tiện chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h. Nếu dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương dưới 50 cm³; bao gồm cả xe đạp điện với các đặc điểm tương tự.

6. Thời gian sử dụng xe

Là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

7. Phí bảo hiểm

Là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới là sự thoả thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn như thoả thuận, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc bảo hiểm/Đơn bảo hiểm, Bản tóm tắt điều kiện điều khoản bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm (nếu có), Bản yêu cầu bảo hiểm (nếu có), Các sửa đổi, bổ sung và các thoả thuận khác (nếu có).

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và Doanh nghiệp bảo hiểm không có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm gia hạn thanh toán phí theo quy định của pháp luật.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật hiện hành bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 ngày. Hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm do Doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận yêu cầu về thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm, hoặc Người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm không đồng ý chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm, hoặc trường hợp khác do doanh nghiệp bảo hiểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:

- 1.1 Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 1.2 Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;
- 1.3 Từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 1.4 Yêu cầu bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, chủ xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- 1.5 Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe cơ giới được bảo hiểm;
- 1.6 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ:

- 2.1 Giải thích cho bên mua bảo hiểm về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- 2.2 Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bản tóm tắt điều kiện điều khoản bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- 2.3 Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành xác minh hồ sơ.
Trong trường hợp Doanh nghiệp bảo hiểm không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Doanh nghiệp bảo hiểm phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được;
- 2.4 Trường hợp từ chối bồi thường, Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Doanh nghiệp bảo hiểm nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ;
- 2.5 Phối hợp với bên mua bảo hiểm và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu của người thứ ba đòi bồi thường về những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 2.6 Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 2.7 Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe, bên mua bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.
- 2.8 Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm
- 2.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe

1. Bên mua bảo hiểm, chủ xe có quyền:

- 1.1. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm;
- 1.2. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 1.3. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;
- 1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:

- 2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của Doanh nghiệp bảo hiểm;
- 2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp bảo hiểm xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm;

- 2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động);
- 2.4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có công văn, văn bản trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí bảo hiểm.
Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.
- 2.4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.
- 2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- 2.6. Khi xảy ra tổn thất, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải có trách nhiệm:
- 2.6.1. Thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);
- 2.6.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- 2.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.
- 2.7. Bên mua bảo hiểm, chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường.
- 2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được doanh nghiệp chấp thuận bồi thường, bên mua bảo hiểm, chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho doanh nghiệp bảo hiểm.
- 2.10. Khi xe cơ giới bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, bên mua bảo hiểm, chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và doanh nghiệp bảo hiểm được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và doanh nghiệp bảo hiểm.
- 2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được Doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe/người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về chi phí giám định tổn thất.

2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trung cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm/chủ xe/ người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp bảo hiểm không thể thực hiện được việc giám định thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do bên mua bảo hiểm, chủ xe cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của doanh nghiệp bảo hiểm);
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên doanh nghiệp bảo hiểm sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - b. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);
 - d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).
 - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.
 - b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.
 - 1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
 - 1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
 - 1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
2. Tài liệu do Doanh nghiệp bảo hiểm phối hợp với chủ xe để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - e. Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);

2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Các tài liệu bổ sung thêm do bên mua bảo hiểm, chủ xe cung cấp trong trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm;
- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe được bảo hiểm (nếu có);
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên cho cùng một đối tượng bảo hiểm với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp này không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã giao kết.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm. Quá thời hạn nêu trên, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu doanh nghiệp bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm/chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

Điều 10. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
2. Chủ xe có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.
3. Doanh nghiệp bảo hiểm xác định giá trị của xe có yêu cầu bảo hiểm như sau:
 - 3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - 3.2. Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mua bán trên thị trường của xe cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất) hoặc giá trị thỏa thuận.
4. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm.

Điều 11. Mức khấu trừ

1. Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại doanh nghiệp bảo hiểm.
2. Đối với mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự: mức khấu trừ sẽ không được áp dụng

Điều 12. Phí bảo hiểm ngắn hạn

Phí bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngắn hạn là khoản tiền mà khách hàng phải thanh toán cho công ty bảo hiểm khi mua bảo hiểm cho xe với thời hạn hợp đồng dưới 12 tháng.

Điều 13. Phí bảo hiểm dài hạn

Phí bảo hiểm vật chất xe cơ giới dài hạn là khoản tiền mà khách hàng phải thanh toán cho công ty bảo hiểm khi mua bảo hiểm cho xe với thời hạn hợp đồng trên 12 tháng. Phí bảo hiểm dài hạn sẽ không thấp hơn biểu phí bảo hiểm dài hạn dưới đây:

Thời hạn bảo hiểm	Phí điều chỉnh
Trên 12 đến 15 tháng	125% phí bảo hiểm năm
Trên 15 đến 18 tháng	150% phí bảo hiểm năm
Trên 18 đến 24 tháng	170% phí bảo hiểm năm
Trên 24 đến 36 tháng	240% phí bảo hiểm năm
Trên 36 đến 48 tháng	355% phí bảo hiểm năm
Trên 48 đến 60 tháng	430% phí bảo hiểm năm

PHẦN III. QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 14. Phạm vi bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

1. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;
3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;

Điều 15. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Tai nạn xảy ra ngoài phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 14 trên đây; tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2. Hành động cố ý gây tai nạn của lái xe; sử dụng mô tô – xe gắn máy để đua (bao gồm cả hợp pháp và trái phép), sử dụng xe cướp giật tài sản hoặc sử dụng vào mục đích bất hợp pháp gây tai nạn.
3. Lái xe không có giấy phép lái xe hoặc có nhưng không hợp lệ và phù hợp đối với loại xe điều khiển (đối với loại xe bắt buộc phải có giấy phép lái xe)
4. Hao mòn, hỏng hóc do sử dụng, lão hóa, mất giá, hỏng hóc do khuyết tật hoặc tổn thất thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử)
5. Chi phí thay xăng, nhiên liệu, dầu nhớt
6. Tổn thất đối với sầm lốp, nhãn mác, logo trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một tai nạn

Điều 16. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thị trường của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

2.1. Xe được coi là tổn thất toàn bộ khi chi phí phục hồi sửa chữa trên 75% hoặc đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho chủ xe toàn bộ số tiền bảo hiểm đã ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc theo giá trị thị trường đã thống nhất điều chỉnh lại.

2.2. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an rằng không thể tiếp tục điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm tổn thất, cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 17. Giảm trừ bồi thường

1. Áp dụng giảm trừ từ 10% đến 30% số tiền bồi thường trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Chủ xe và/hoặc Người điều khiển xe không thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 Điều 5 Phần II. Không áp dụng quy định này đối với trường hợp mất cắp, mất cướp toàn bộ xe.

2. Áp dụng giảm trừ từ 50% số tiền bồi thường trở lên hoặc từ chối bồi thường khi Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Chủ xe và/hoặc Người điều khiển xe vi phạm nghĩa vụ tại Điểm 2.7, Điểm 2.8 Khoản 2 Điều 5 Phần II.



Khi Người được bảo hiểm bị áp dụng nhiều mức giảm trừ thì Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chọn mức giảm trừ cao nhất.

PHẦN IV. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 18. Đối tượng, phạm vi bảo hiểm

Là trách nhiệm bồi thường của chủ xe hoặc người điều khiển xe đối với người ngồi trên xe.

Trừ những trường hợp thuộc điểm loại trừ bảo hiểm tại Điều 15 Phần III, Công ty bảo hiểm sẽ bồi thường cho Tử vong, Thương tật thân thể của người ngồi trên xe do tai nạn bất ngờ khi đang ở trên xe, hoặc đang lên, xuống xe trong quá trình xe tham gia giao thông.

Điều 19. Quyền lợi bảo hiểm

1. Trường hợp Người ngồi trên xe tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm, Công ty bảo hiểm sẽ thanh toán toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
2. Trường hợp Người ngồi trên xe bị thương tật thân thể:
 - a. Số tiền bảo hiểm trên 21 triệu đồng:
 - Thương tật tạm thời: Được bồi thường theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày) người bị thương trong thời gian điều trị thương tật, nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bồi thường bảo hiểm tại Phần VI của Quy tắc này.
 - Thương tật vĩnh viễn: Được bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bồi thường bảo hiểm tại Phần VI của Quy tắc này.
 - b. Số tiền bảo hiểm từ 21 triệu đồng trở xuống: Được bồi thường theo chi phí y tế thực tế và số tiền theo Bảng tỷ lệ trả tiền bồi thường bảo hiểm tại Phần VI của Quy tắc này, trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm nêu trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi và Người điều khiển xe) lớn hơn số Chỗ ngồi được bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số Chỗ ngồi được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
4. Đối với trẻ em dưới 7 tuổi, công ty sẽ thanh toán 50% số tiền bảo hiểm với điều kiện tuân thủ các nguyên tắc bồi thường nêu trên.
5. Trường hợp Người điều khiển xe bị tử vong, thương tật thân thể do tai nạn khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe, Công ty bảo hiểm sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm tương đương với Quyền lợi bảo hiểm của người ngồi trên xe hoặc theo các thỏa thuận khác (nếu có) được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN V. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

Điều 20. Phạm vi bảo hiểm

1. Giới hạn trách nhiệm

Công ty sẽ tuân thủ mức trách nhiệm (là phần vượt quá mức trách nhiệm dân sự bắt buộc theo quy định của pháp luật) bồi thường cho chủ xe cơ giới trong trường hợp tai nạn gây ra hoặc phát sinh từ việc sử dụng xe cơ giới đối với toàn bộ các chi phí hoặc phí tổn mà chủ xe phải có trách nhiệm pháp lý phải trả đối với:

- a. Chết hoặc thương tật về người
- b. Thiệt hại tài sản

Với điều kiện là khoản tiền bồi thường của Công ty (bao gồm tất cả các chi phí) không vượt quá mức trách nhiệm như được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

2. Các điều kiện và quy định khác

Các bên được hiểu và thỏa thuận rằng ngoại trừ Mức trách nhiệm tự nguyện do Bên mua bảo hiểm lựa chọn được ghi trên Bản tóm tắt Điều kiện điều khoản Bảo hiểm/Giấy chứng nhận Bảo hiểm, còn lại tất cả các điều kiện điều khoản khác của Phần này sẽ tuân thủ theo luật pháp hiện hành có liên quan.

PHẦN VI. BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm sẽ được thanh toán theo Bảng tỷ lệ trả tiền bồi thường bảo hiểm dưới đây:

Sự kiện được bảo hiểm	Số tiền bồi thường (% STBH)
Tử vong	100%
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn: Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của: - Hai tay (tính từ cổ tay trở lên) - Hai chân (tính từ mắt cá chân trở lên) - Một tay (tính từ cổ tay trở lên) và một chân (tính từ mắt cá chân trở lên) - Hai mắt - Một tay (tính từ cổ tay trở lên) và một mắt - Một chân (tính từ mắt cá chân trở lên) và một mắt - Rối loạn tâm thần hoàn toàn và không thể chữa được - Điếc hoàn toàn và vĩnh viễn cả hai tai - Mất chức năng nhai - Mù hoàn toàn - Tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	100%
Thương tật bộ phận vĩnh viễn: - Điếc hoàn toàn và vĩnh viễn một tai - Mất tiếng hoàn toàn (câm) - Mất hoàn toàn và vĩnh viễn thị lực của một mắt Mất do cắt bỏ hoặc mất hoàn toàn và vĩnh viễn khả năng sử dụng của: - Một tay từ bả vai - Một chân từ háng - Cả hai đốt ngón chân cái - Một đốt ngón chân cái - Bất kỳ ngón chân nào khác - Cả hai đốt ngón tay cái - Một đốt ngón tay cái - Ngón tay trở - Ngón tay giữa - Ngón nhẫn - Phẫu thuật tháo bỏ hàm dưới - Mất một phần ngón tay - Trường hợp thương tật bộ phận vĩnh viễn của chi không được ghi trong bảng này	20% 50% 50% 50% 50% 10% 03% 02% 25% 10% 15% 10% 08% 25% Số tiền được trả cho đốt ngón tay bị mất bằng 1/3 tỷ lệ quy định ở trên đối với ngón tay liên quan. Số tiền được trả sẽ được xác định theo mức độ nghiêm trọng của thương tật này đối với những trường hợp thực tế khác được nêu trên.

- Quyền lợi bảo hiểm sẽ được thanh toán trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn xảy ra trong vòng 24 tháng kể từ ngày tai nạn với điều kiện là nguyên nhân gây ra chết hoặc thương tật đó phải phát sinh trong thời hạn bảo hiểm. Quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả theo Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tai nạn
- Trường hợp một thương tật vĩnh viễn không được xác định được tỷ lệ bồi thường trong bảng trên thì MSIG sẽ tự xác định tỷ lệ bồi thường trên cơ sở tham khảo ý kiến của chuyên gia y tế.
- Trường hợp Người được bảo hiểm bị một thương tật vĩnh viễn, mà thương tật vĩnh viễn này được liệt kê vào trong nhiều quyền lợi được chi trả khác nhau, thì mức chi trả cho phần thương tật nằm trong hạng mục nào cao hơn (hoặc cao nhất) sẽ được áp dụng. Đặc biệt, nếu quyền lợi bảo hiểm đã được chi trả cho việc mất toàn bộ một bộ phận cơ thể, thì sẽ không còn quyền lợi chi trả cho việc mất một phần của bộ phận cơ thể đó nữa.
- Người được bảo hiểm bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên được xác định dựa trên xác nhận của cơ quan y tế hoặc Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức giám định y tế hợp pháp được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chấp thuận.
- Việc chứng nhận người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra hoặc sau khi kết thúc việc điều trị.
- Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc mù hoàn toàn hoặc bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên được thực hiện không sớm hơn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc từ ngày bệnh lý được chẩn đoán.



PHẦN VII. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

(Đính kèm và là một phần không thể tách rời của Quy tắc/Hợp đồng bảo hiểm)

Các điều khoản bổ sung (nếu có) chỉ có hiệu lực nếu được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Bản tóm tắt điều kiện điều khoản bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.